TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2021
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao và bà Nguyễn Thị Tạc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Công B - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Số X đường S, tổ dân phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương Th - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Số X đường S, tổ dân phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - Ông Trương Công B trình bày:*

Tôi (B) và bà Nguyễn Thị Phương Th chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/12/2014. Trong quá trình

chung sống, chúng tôi hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân chúng tôi nảy sinh mâu thuẫn do vợ tôi ngoại tình. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và bà Th không còn nữa, nguyện vọng của tôi xin được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Trương Thị Ánh Ng, sinh ngày 18/9/2016. Hiện cháu đang sống cùng với bà Th nên tôi có nguyện vọng giao cháu cho bà Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn - Bà Nguyễn Thị Phương Th* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về ly hôn: Ông Trương Công B được ly hôn bà Nguyễn Thị Phương Th;

Về con chung: Giao con chung là Trương Thị Ánh Ng, sinh ngày 18/9/2016 cho bà Nguyễn Thị Phương Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn - ông Trương Công B là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trương Công B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về hôn nhân: Ông Trương Công B và bà Nguyễn Thị Phương Th chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/12/2014. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa ông B và bà Th có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân. Đến nay ông B xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Th nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương Th.

Quá trình xác minh địa phương cung cấp: Quá trình chung sống giữa ông B và bà Th có xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Khi hòa giải tại cơ sở bà Nguyễn Thị Phương Th vắng mặt vì vậy nguyên nhân mâu thuẫn giữ vợ chồng ông Trương Công B và bà Nguyễn Thị Phương Th là do đâu thì địa phương không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Trương Công B và bà Nguyễn Thị Phương Th đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng ông B, bà Th có 01 con chung là cháu Trương Thị Ánh Ng, sinh ngày 18/9/2016. Khi ly hôn, nguyện vọng ông B giao cháu cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Ng đang sống cùng với bà Th và ông B có nguyện vọng giao cháu cho bà Th nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu nên giao cháu cho bà Nguyễn Thị Phương Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông B không yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về án phí:* Ông Trương Công B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Trương Công B về ly hôn, nuôi con chung;

1. Về hôn nhân: Ông Trương Công B được ly hôn bà Nguyễn Thị Phương Th.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Trương Thị Ánh Ng, sinh ngày 18/9/2016 cho bà Nguyễn Thị Phương Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Trương Công B có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Công B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Ông Trương Công B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0014042 ngày 23/3/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND TP.BMT;*
- *VKSND tỉnh ĐắkLắk;*
- *TAND tỉnh ĐắkLắk;*
- *Chi cục THA DS BMT;*
- *UBND phường L, TP. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức